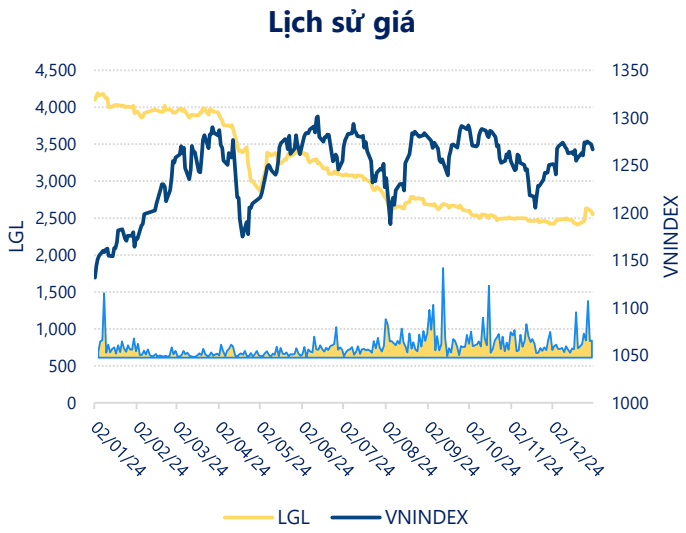
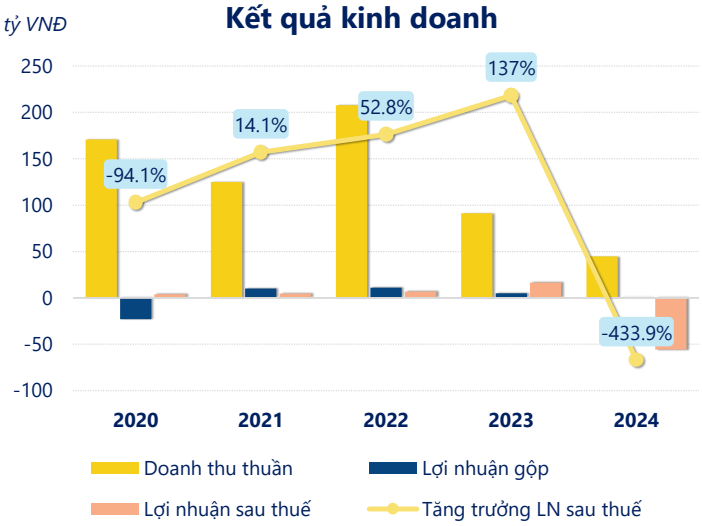
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	2,550 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.7%	0.4%	-

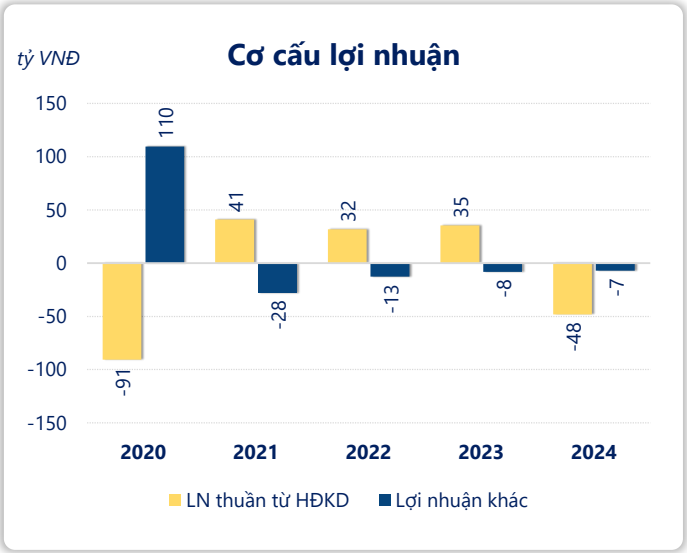
	2024	YoY
DT thuần	44.9 tỷ VNĐ	▼ 46.4 ▼ 50.8%
LN gộp	0.95 tỷ VNĐ	▼ 3.97 ▼ 80.6%
LN thuần	-48.3 tỷ VNĐ	▼ 83.7 ▼ 236%
LN sau thuế	-55.5 tỷ VNĐ	▼ 72.1 ▼ 434%
ROE	2024: -8.2%	+/- YoY ▼ 10.5%
ROA	2024: -4.0%	+/- YoY ▼ 5.1%

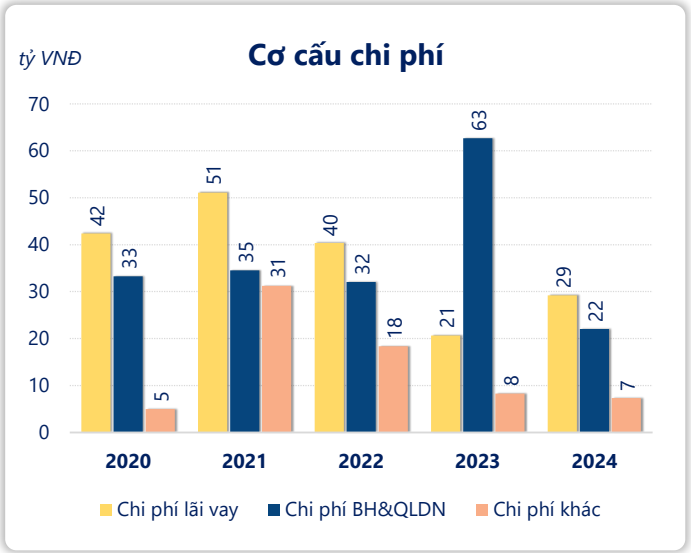




Năm **2024**, **LGL** ghi nhận doanh thu thuần **44.91** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-55.52** tỷ đồng, lần lượt **giảm 50.8%** và **giảm 434%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -8.22% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

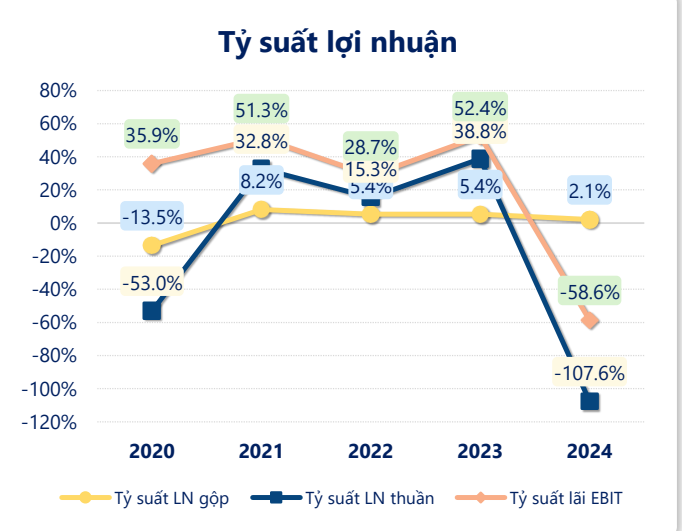


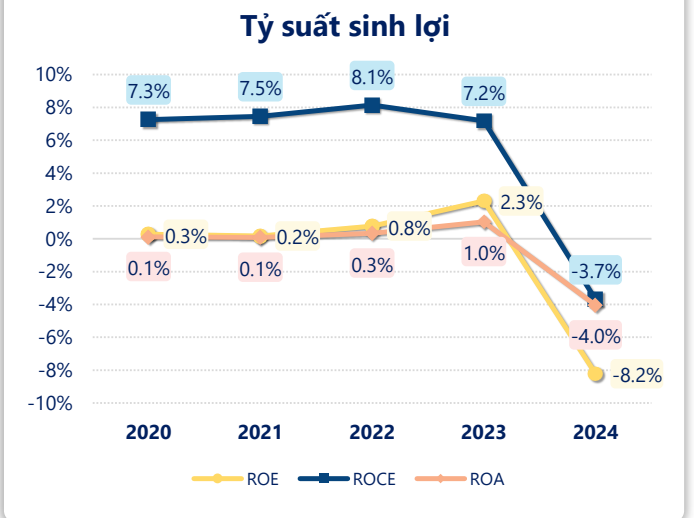


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **LGL** năm **2024 giảm đi 83.73** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 48.31 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2020** là 90.54 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

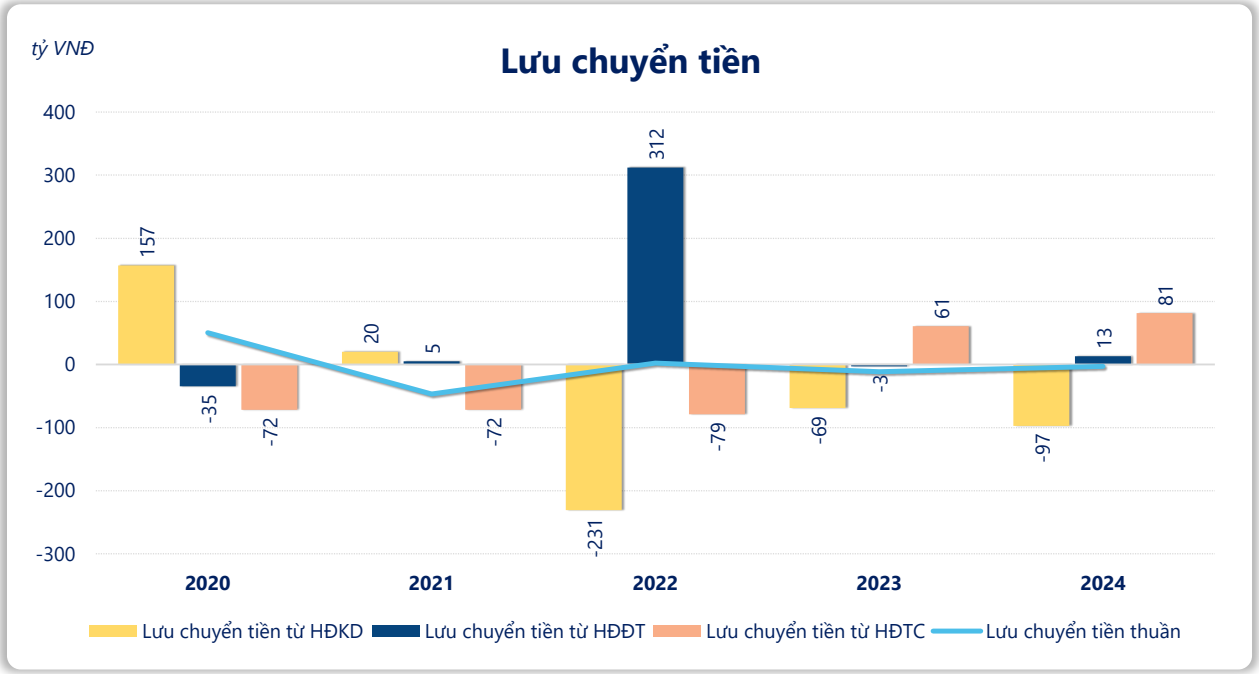
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **29.22** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **22.02** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **7.35** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của LGL năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-8.22%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**171**	**125**	**208**	**91.3**	**44.9**
Giá vốn hàng bán	194	115	196	86.4	44.0
Lợi nhuận gộp	**-23.1**	**10.2**	**11.2**	**4.92**	**0.95**
Doanh thu HĐTC	7.53	117	104	117	2.82
Chi phí TC	44.2	52.6	52.2	26.9	30.1
Chi phí lãi vay	**42.4**	**51.1**	**40.4**	**20.7**	**29.2**
LN trong công ty LKLD	2.53	1.29	1.16	3.45	0
Chi phí bán hàng	0.74	1.44	1.57	15.8	0
Chi phí QLDN	32.5	33.1	30.5	46.9	22.0
LN thuần từ HĐKD	**-90.5**	**40.9**	**31.8**	**35.4**	**-48.3**
Lợi nhuận khác	110	-28.0	-12.7	-8.18	-7.21
LN trước thuế	**19.0**	**12.9**	**19.1**	**27.2**	**-55.5**
Lợi nhuận sau thuế	**4.03**	**4.60**	**7.03**	**16.6**	**-55.5**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.07**	**1.26**	**5.43**	**15.3**	**-55.5**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của LGL bằng **-2.90** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-11.66 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-97.29** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **12.91** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **81.47** tỷ đồng.